UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 40 / KH-UBND	*Thái Bình, ngày 21 tháng 7 năm 2015*

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn.

Thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn; Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn; Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT- BTC- BKHĐT ngày 30/10/2014 của liên bộ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn; Thông báo Kết luận số 777-TB/TU ngày 18/4/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích thu hút đầu tư cấp nước sạch nông thôn; Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND ngày 25/4/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt một số giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích thu hút đầu tư cấp nước sạch nông thôn.

Xét đề nghị của liên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch đầu tư cải tạo, nâng cấp và chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn được đầu tư từ nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới và vốn Chương trình Mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Bình như sau:

I/ Mục đích:

1/ Để đầu tư cải tạo, nâng cấp và chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn hiện có trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân.

2/ Tạo môi trường thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư cải tạo, nâng cấp và chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn.

3/ Lựa chọn được doanh nghiệp có kinh nghiệm và năng lực để tiếp nhận, tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp quy mô, công suất cấp nước sạch, nâng cao chất lượng cấp nước sạch cho nhân dân và đổi mới mô hình quản lý, khai thác có hiệu quả vốn đầu tư, đất đai, con người hiện có; quản lý, sử dụng nguồn vốn thu từ việc chuyển giao công trình.

4/ Là căn cứ để các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức thực hiện việc đầu tư, cải tạo, nâng cấp và chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

II/ Đối tượng thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp và chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn.

Đối tượng thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp và chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT- BTC- BKHĐT ngày 30/10/2014 đang hoạt động ở trong và ngoài tỉnh (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp).

III/ Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp và chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn.

Doanh nghiệp được giao đầu tư cải tạo, nâng cấp và chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn được lựa chọn theo các tiêu chí sau:

1/ Về năng lực và kinh nghiệm:

a/ Về kinh nghiệm:

Doanh nghiệp đã hoặc đang quản lý vận hành khai thác tối thiểu một công trình cấp nước sạch hoặc làm chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng tối thiểu một dự án xây dựng công trình cấp nước sạch.

b) Năng lực tài chính:

- Doanh nghiệp có năng lực tài chính để có thể trả nợ ngay giá trị tài sản còn lại của công trình cấp nước sạch nông thôn khi được chuyển giao theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh khoản nhận nợ với Nhà nước trả nợ thay cho doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp có quy mô vốn chủ sở hữu lớn hơn giá trị tài sản còn lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt của các công trình cấp nước sạch nông thôn mà doanh nghiệp đề nghị giao đầu tư cải tạo, nâng cấp và chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác.

c) Năng lực quản lý, kinh doanh, vận hành công trình:

- Doanh nghiệp có phương án đầu tư cải tạo, nâng cấp và chuyển đổi mô hình quản lý nhằm nâng cao công suất, chất lượng nước sạch phục vụ nhu cầu của nhân dân, trong đó có cam kết thời gian chậm nhất 6 tháng sau khi tiếp nhận công trình phải thực hiện song phương án đầu tư cải tạo, mở rộng, nâng cao công suất, chất lượng cấp nước sạch cho nhân dân.

- Có phương án chi tiết về sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ nhằm quản lý, khai thác có hiệu quả vốn đầu tư và mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

2) Trách nhiệm của doanh nghiệp nhận quản lý công trình:

2.1. Nhận nợ với Nhà nước:

Doanh nghiệp được giao đầu tư cải tạo, nâng cấp và chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác công trình nước sạch phải nhận nợ với Nhà nước 100% giá trị tài

sản còn lại của công trình cấp nước sạch nông thôn khi được chuyển giao theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Doanh nghiệp phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản, tiền vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp hoặc bằng bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với toàn bộ phần vốn tương ứng với giá trị tài sản còn lại của công trình cấp nước sạch nông thôn theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Nếu quá thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán các khoản nhận nợ với Nhà nước mà doanh nghiệp không thực hiện, thì tổ chức tín dụng nhận bảo lãnh cho doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn trả số tiền đến hạn phải thanh toán của doanh nghiệp cho Nhà nước.

2.2. Phương án hoàn trả các khoản nhận nợ với Nhà nước:

Các doanh nghiệp phải xây dựng phương án hoàn trả các khoản nhận nợ với Nhà nước, làm cơ sở cho việc đánh giá, xác định doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác công trình nước sạch. Trong đó:

a) Đối với nguồn vốn Ngân sách Nhà nước; vốn vay Ngân hàng thế giới được hoàn trả thông qua các phương thức:

- Nộp một lần số tiền nhận nợ với Nhà nước;

- Nộp dần số tiền nhận nợ với Nhà nước theo phương thức trích khấu hao hàng năm theo quy định tại Thông tư số 45/2013/ TT-BTC ngày 25/4/2013 và số 54/2013/TT-BTC ngày 04/05/2013 của Bộ Tài chính.

* Một số yêu cầu cụ thể về phương án hoàn trả các khoản nhận nợ với Nhà nước theo phương thức trích khấu hao hàng năm:

+ Đối với các công trình được đầu tư từ nguồn vốn vay Ngân hàng thế giới: Phương án hoàn trả phần vốn vay Ngân hàng thế giới và phần vốn ngân sách nhà nước (nếu có) phải đảm bảo đáp ứng tiến độ hoàn trả vốn vay Ngân hàng thế giới theo hiệp định vay vốn đã ký kết, tối đa là 15 năm tính từ ngày ký biên bản bàn giao công trình (*Tiến độ hoàn trả cụ thể sẽ được thông tin trong hồ sơ lựa chọn doanh nghiệp của từng công trình*).

+ Đối với các công trình được đầu tư từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu Quốc gia và nguồn vốn hợp pháp khác thì thời gian trích khấu hao không quá 10 năm tính từ ngày ký biên bản bàn giao công trình.

b) Đối với phần vốn đóng góp của nhân dân để xây dựng công trình:

Phần vốn đóng góp của nhân dân được doanh nghiệp hoàn trả chủ sở hữu dưới hình thức trừ dần vào giá tiêu thụ nước sạch, hoặc các hình thức hợp pháp khác theo đề nghị của doanh nghiệp và được người góp vốn nhất trí.

IV/ Nội dung và giải pháp thực hiện.

1. Về lựa chọn công trình để chuyển giao:

a/ Phê duyệt, công khai danh mục công trình cấp nước sạch nông thôn cần đầu tư cải tạo, nâng cấp và thay đổi mô hình quản lý.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp danh mục công trình cấp nước sạch nông thôn cần đầu tư cải

tạo, nâng cấp và thay đổi mô hình quản lý trên địa bàn, trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức công khai trên mạng thông tin điện tử của Uỷ ban nhân dân tỉnh để kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đăng ký tiếp nhận, đầu tư cải tạo, nâng cấp và đổi mới mô hình quản lý, khai thác công trình.

b/ Xác định giá trị còn lại của công trình cấp nước sạch nông thôn

Hội đồng xác định giá khởi điểm các công trình cấp nước sạch nông thôn của tỉnh chỉ đạo các thành viên tổ chuyên viên giúp việc thực hiện kiểm tra hiện trạng tài sản của từng công trình, thực hiện phân loại, đánh giá cụ thể từng tài sản, thiết bị còn sử dụng được, không còn sử dụng được do hư hỏng, không cần dùng và các yếu tố liên quan phù hợp với thị trường làm căn cứ để đánh giá, xác định giá trị còn lại của từng công trình tại thời điểm, báo cáo Hội đồng thẩm định, trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá trị tài sản còn lại để giao cho doanh nghiệp.

c/ Xác định tiêu chí cần đầu tư cải tạo, nâng cấp và thay đổi mô hình quản lý cho từng công trình cấp nước sạch nông thôn.

Căn cứ vào hiện trạng hoạt động của từng công trình, quy hoạch phát triển cấp nước sạch nông thôn, tiêu chuẩn về chất lượng cấp nước sạch nông thôn và khả năng tăng trưởng nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng sở Kế hoạch và Đầu tư xác định nội dung yêu cầu đầu tư cải tạo, nâng cấp về quy mô, chất lượng cho từng công trình, làm căn cứ hướng dẫn các doanh nghiệp lập phương án theo quy định tại Điểm c Mục 1 Phần III của kế hoạch này.

2. Lựa chọn doanh nghiệp để chuyển giao công trình:

a) Doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị giao để đầu tư cải tạo, nâng cấp và thay đổi mô hình quản lý, khai thác công trình:

Căn cứ tiêu chí, đánh giá, lựa chọn được công bố công khai, doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị tiếp nhận công trình nộp về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hồ sơ gồm:

+ Tờ trình đề nghị giao công trình để đầu tư cải tạo, nâng cấp và thay đổi mô hình quản lý, khai thác;

+ Tài liệu chứng minh năng lực của doanh nghiệp (*Gồm: Tài liệu chứng minh về kinh nghiệm; năng lực tài chính; năng lực quản lý, kinh doanh, vận hành công trình*).

+ Phương án tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô, công suất cấp nước sạch, nâng cao chất lượng cấp nước sạch cho nhân dân; Trong đó doanh nghiệp phải có phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn để quản lý chất lượng nước.

+ Cam kết trả số tiền nhận nợ với Nhà nước trong đó có phương án hoàn trả số tiền nhận nợ với Nhà nước theo phương thức và thời gian cụ thể.

+ Văn bản bảo lãnh hợp pháp của tổ chức tín dụng đối với trường hợp chưa thanh toán ngay số tiền nhận nợ với Nhà nước.

+ Cam kết tiếp nhận, sử dụng và bảo đảm quyền lợi hợp pháp đối với số lao động đang trực tiếp quản lý, vận hành các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn.

b) Tổ chức đánh giá, lựa chọn doanh nghiệp để chuyển giao công trình:

+ Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn đã có chủ trương của Uỷ ban nhân dân tỉnh giao cho doanh nghiệp tiếp nhận, doanh nghiệp đã và đang đầu tư xây dựng hoặc đầu tư cải tạo công nghệ xử lý nguồn nước, mở rộng quy mô, nâng cao công suất, nâng cao chất lượng cấp nước sạch cho nhân dân thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, thủ tục, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao cho doanh nghiệp đang quản lý, khai thác công trình đó.

+ Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho doanh nghiệp tiếp nhận:

Căn cứ Hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp và các tiêu chí đánh giá, lựa chọn doanh nghiệp để đầu tư cải tạo, nâng cấp và đổi mới mô hình quản lý, vận hành, khai thác công trình nước sạch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đánh giá, lựa chọn, trình Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định giao cho doanh nghiệp tiếp nhận từng công trình hoặc nhóm công trình cấp nước sạch nông thôn.

Quá trình thẩm định, lựa chọn doanh nghiệp có đủ điều kiện để chuyển giao cần ưu tiên các doanh nghiệp có phương án đầu tư cải tạo, nâng cấp, chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác có tính khả thi cao nhất và phương án hoàn trả các khoản nhận nợ với nhà nước nhanh nhất.

+ Căn cứ kết quả lựa chọn doanh nghiệp được giao công trình cấp nước sạch nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển giao công trình với nội dung chủ yếu sau:

- Tên doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác công trình;

- Tên, địa chỉ công trình chuyển giao;

- Năm xây dựng công trình, năm hoàn thành đưa vào sử dụng;

- Diện tích đất xây dựng công trình đầu mối; Diện tích sàn xây dựng từng hạng mục công trình;

- Công suất thiết kế, công suất thực tế;

- Giá trị tài sản còn lại; trong đó phân ra cụ thể từng nguồn vốn: vốn vay Ngân hàng thế giới, vốn ngân sách nhà nước, vốn đóng góp của nhân dân.

- Phương thức hoàn trả các khoản nợ với nhà nước, thời gian hoàn trả cụ thể;

- Phương thức hoàn trả khoản đóng góp của nhân dân tham gia xây dựng công trình, thời gian hoàn trả cụ thể;

- Thời gian thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp công trình để mở rộng quy mô, nâng cao công suất cấp nước và chất lượng cấp nước sạch cho nhân dân.

3. Quy định về việc hoàn trả các khoản nhận nợ với Nhà nước.

Doanh nghiệp thực hiện hoàn trả số tiền nhận nợ với Nhà nước theo phương thức và thời hạn được ghi trong quyết định giao nhận công trình cho doanh nghiệp như sau:

a) Đối với nguồn vốn nhà nước, gồm: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn hỗ trợ từ ngân sách các cấp; vốn vay Ngân hàng Thế giới.

- Doanh nghiệp hoàn trả số tiền nhận nợ với Nhà nước bằng phương thức trả một lần cho Nhà nước: Doanh nghiệp thực hiện nộp một lần số tiền nhận nợ với Nhà nước vào tài khoản tiền gửi của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh theo thông báo của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Bình (đơn vị được Uỷ ban nhân dân tỉnh giao uỷ thác thu).

- Doanh nghiệp hoàn trả số tiền nhận nợ với Nhà nước bằng phương thức trích khấu hao công trình nộp vào Ngân sách Nhà nước: Số tiền doanh nghiệp trích khấu hao phần vốn hoàn trả cho Nhà nước được nộp mỗi năm hai kỳ (*tháng 4 và tháng 9 hàng năm*) vào tài khoản tiền gửi của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh theo thông báo của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Bình.

- Quỹ Đầu tư phát triển có trách nhiệm quản lý số tiền hoàn trả của các doanh nghiệp theo quy định và thực hiện hoàn trả vốn vay Ngân hàng Thế giới theo thời hạn quy định của hiệp định vay vốn.

b) Đối với phần vốn đóng góp của nhân dân để xây dựng công trình:

Phần vốn đóng góp của nhân dân được doanh nghiệp hoàn trả chủ sở hữu dưới hình thức trừ dần vào giá tiêu thụ nước sạch, hoặc các hình thức khác theo đề nghị của doanh nghiệp và được người góp vốn nhất trí ghi trong quyết định giao quản lý, vận hành, khai thác công trình.

c) Sau khi hoàn trả hết số tiền nhận nợ, thì công trình thuộc tài sản của doanh nghiệp; doanh nghiệp thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình theo quy định của pháp luật.

4/ Về đất đai.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Uỷ ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các đơn vị đang quản lý, vận hành công trình nước sạch nông thôn tiến hành kiểm kê, thẩm định diện tích đất của các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn, lập hồ sơ về đất đai, trình cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đơn vị đang quản lý công trình, làm căn cứ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định cho doanh nghiệp được giao công trình thuê đất và hoàn thiện hồ sơ quản lý đất đai theo quy định.

5/ Về lực lượng lao động đang quản lý, vận hành các công trình.

Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp, đề xuất phương án giải quyết theo hướng các doanh nghiệp được giao công trình cấp nước sạch nông thôn ưu tiên sử dụng số lao động hiện có đang trực tiếp quản lý, vận hành của từng công trình (*nếu số lao động*

này đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu của Doanh nghiệp); có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động.

6/ Bàn giao công trình cho doanh nghiệp:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định chuyển giao công trình của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan thực hiện bàn giao, tiếp nhận công trình theo quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính.

V. Tổ chức thực hiện :

1/ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nội dung:

- Là cơ quan thường trực có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện, tổng hợp kết quả, định kỳ hàng tháng báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban chỉ đạo cấp tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành tổng hợp danh mục công trình cấp nước sạch nông thôn cần đầu tư cải tạo, nâng cấp và chuyển đổi mô hình quản lý trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành tổ chức lựa chọn doanh nghiệp được giao công trình để tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp và chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; Thực hiện bàn giao công trình cho doanh nghiệp theo quy định, được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền ký biên bản bàn giao công trình và thay mặt Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhận tại hiện trường.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành kiểm tra các doanh nghiệp thực hiện các cam kết về tiến độ đầu tư cải tạo, nâng cấp công suất, chất lượng cung cấp nước sạch cho nhân dân, cam kết tiến độ hoàn trả các khoản nhận nợ với Nhà nước; chủ trì kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm của các doanh nghiệp.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các doanh nghiệp quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 16/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính.

2/ Các doanh nghiệp nhận giao quản lý các công trình nước có trách nhiệm thực hiện kịp thời phương án tổ chức lại sản xuất, tiếp tục đầu tư mở rộng nâng cao quy mô, công suất cấp nước sạch, nâng cao chất lượng cấp nước sạch cho nhân dân và quản lý, khai thác có hiệu quả vốn đầu tư theo quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính.

Các doanh nghiệp được giao quản lý công trình nước sạch tập trung nông thôn được hỗ trợ khuyến khích đầu tư theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các sở, ngành thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Quyết định số 12/2012/QĐ-

UBND ngày 02/8/2012, Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh cho các công trình này trước ngày 25/7/2015.

3/ Trách nhiệm của các sở, ngành, đơn vị liên quan: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan khẩn trương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, nội dung công việc của kế hoạch, đảm bảo chất lượng và thời gian quy định.

4/ Xử lý vi phạm.

- Doanh nghiệp tiếp nhận công trình có hành vi vi phạm cam kết tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp quy mô, công suất và chất lượng cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, chính quyền cấp huyện, cấp xã nơi có công trình tiến hành kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo hướng như sau:

+ Điều chỉnh quy hoạch cấp nước và cho phép đơn vị cấp nước khác thực hiện mở rộng phạm vi, quy mô cấp nước của đơn vị mình để phục vụ nhu cầu của nhân dân.

+ Thu hồi quyết định giao công trình để xem xét, chuyển giao cho doanh nghiệp khác.

- Doanh nghiệp tiếp nhận công trình có hành vi vi phạm cam kết hoàn trả số tiền nhận nợ với Nhà nước theo phương thức và thời hạn được ghi trong quyết định của cấp có thẩm quyền thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính phối hợp kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng đôn đốc tổ chức tín dụng nhận bảo lãnh cho doanh nghiệp thực hiện hoàn trả số tiền nhận nợ với Nhà nước thay cho doanh nghiệp.

5/ Kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn này thay thế Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 16/6/2014 của Uỷ ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành: NN&PTNT, KH&ĐT, TC, XD, TN&MT, Tư pháp;
- UBND huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, NNTNMT; CTXDGT; MCLT;
- Lưu: VT, KHTC.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Diên